



# BẢN TIN

KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tuần 4 | Tháng 7/2024



Lạm phát toàn cầu đang giảm tốc, kỳ vọng hoạt động kinh doanh toàn cầu nhích lên

NHTW Trung Quốc hạ lãi suất điều hành, thúc đẩy vốn vào nền kinh tế

Tăng trưởng tín dụng toàn ngành: Đã đạt trên 14 triệu tỷ VND

FDI trong 7 tháng đầu năm nay đạt 18 tỷ, tăng 11%

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



## **BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

### **Tuần 4 tháng 7 (22-26/7/2024)**

#### **CÁC THÔNG TIN CHÍNH**

##### **Kinh tế - tài chính thế giới**

- Lạm phát toàn cầu đang giảm tốc, kỳ vọng hoạt động kinh doanh toàn cầu nhích lên;
- Kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh hơn và lạm phát đang chậm lại;
- Kinh tế Nhật Bản chưa hồi phục ổn định, lạm phát có xu hướng tăng lên;
- Fed gần như chắc chắn sẽ hạ lãi suất vào phiên họp tháng 9/2024;
- NHTW Trung Quốc hạ lãi suất điều hành, thúc đẩy vốn vào nền kinh tế;
- Giá dầu giảm tuần thứ 3 liên tiếp trước lo ngại về nhu cầu yếu ở một số nền kinh tế lớn.

##### **Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam**

- Thống đốc yêu cầu các đơn vị trong toàn Ngành tiếp tục bám sát Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024, Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 15/01/2024 và Chương trình hành động của NHNN thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động ngân hàng năm 2024;
- Lãi suất huy động tiếp tục được các ngân hàng điều chỉnh tăng nhưng đà tăng đã chậm lại;
- Tăng trưởng tín dụng toàn ngành: Đã đạt trên 14 triệu tỷ VND;
- Rủi ro hình thành nợ xấu ngân hàng vẫn còn lớn;
- Trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu tăng 14,9%, nhập khẩu tăng 17,3%, thặng dư thương mại hàng hóa đạt 11,85 tỷ USD;
- FDI trong 7 tháng đầu năm nay đạt 18 tỷ, tăng 11%.

# DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ

TUẦN 4 tháng 7 (22-25/7/2024)

## Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	31/07/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	06/06/2023	12/09/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00%	19/03/2024	31/07/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.35%	3.45%	22/07/2024	Không T/báo
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	06/08/2024
BoE	Anh	5.25%	5.00%	22/06/2023	01/08/2023
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25%	13/01/2023	22/08/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	21/08/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	18/09/2024
CBR	Nga	18.00%	16.00%	26/07/2024	Không T/báo

## Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% theo năm
EURUSD	1.08552	-0.24%	1.38%	-1.07%
GBPUSD	1.28635	-0.36%	1.74%	0.55%
AUDUSD	0.65467	-2.06%	-1.55%	-2.38%
USDJPY	153.722	-2.40%	-4.35%	10.24%
USDCNY	7.26237	-0.30%	-0.57%	1.29%
USDCAD	1.38346	0.77%	0.99%	4.61%
USDRUB	86.0996	-1.82%	1.30%	-5.07%
USDKRW	1384.80	-0.37%	-0.05%	7.87%
DXY	104.323	-0.05%	-1.48%	2.51%
USDTHB	35.9330	-0.74%	-2.41%	4.37%
USDSGD	1.34255	-0.19%	-1.14%	0.85%

## Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% năm
United States	4.2000	-0.04%	-0.09%	0.19%
United Kingdom	4.1034	-0.03%	-0.03%	-0.21%
Japan	1.0618	0.01%	-0.01%	0.62%
Australia	4.3110	0.07%	-0.10%	0.36%
Germany	2.4030	-0.06%	-0.05%	-0.03%
China	2.1965	-0.06%	-0.01%	-0.48%
Singapore	3.0230	-0.04%	-0.23%	0.05%
South Korea	3.1080	-0.05%	-0.20%	-0.53%
Taiwan	1.6150	-0.02%	-0.10%	0.46%
Thailand	2.6275	-0.02%	-0.09%	0.06%
Vietnam	2.8220	-0.07%	-0.07%	0.29%
Hong Kong	3.2030	-0.13%	-0.43%	-0.58%
Indonesia	7.0800	0.13%	-0.01%	0.82%

## Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1 năm	+/_% sv 3 năm
Dow Jones	+1.64%	+0.75%	+3.76%	+7.69%	+14.47%
S&P 500	+1.11%	-0.83%	-0.03%	+14.45%	+19.14%
Nasdaq	+1.03%	-2.08%	-2.11%	+15.63%	+21.24%
DAX	+0.65%	+1.35%	+1.00%	+9.94%	+11.83%
FTSE 100	+1.21%	+1.59%	+1.49%	+7.14%	+7.69%
CAC 40	+1.22%	-0.22%	+0.51%	-0.34%	+0.55%
Euro Stoxx 50	+1.03%	+0.69%	-0.68%	+7.50%	+8.82%
Nikkei 225	-0.64%	-6.01%	-4.87%	+12.52%	+14.94%
Shanghai	+0.14%	-3.07%	-2.58%	-2.82%	-11.75%
Hang Seng	+0.10%	-2.28%	-3.94%	-0.15%	-14.54%
SET	+1.21%	-0.75%	+0.48%	-7.67%	-15.30%
KOSPI	+0.78%	-2.28%	-2.36%	+2.88%	+4.74%

## Thị trường hàng hóa thế giới

1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% năm	3. Khoáng sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% năm
Crude Oil USD/Bbl	76.440	-2.80%	-6.48%	-4.01%	Copper USD/Lbs	4.1095	-3.00%	-5.50%	6.04%
Natural gas USD/MMBtu	1.9940	-6.30%	-25.74%	-26.53%	Steel CNY/T	3084.00	-4.93%	-8.35%	-18.30%
Gasoline USD/Gal	2.4481	-0.07%	-3.86%	-5.64%	Aluminum USD/T	2280.00	-3.04%	-8.53%	3.40%
Coal USD/T	139.25	3.07%	5.02%	3.92%	Tin USD/T	29416	-6.92%	-8.11%	1.40%
2. Kim loại quý					Zinc USD/T	2665.00	-4.02%	-9.03%	8.60%
Gold USD/t.oz	2386.50	-0.35%	2.53%	22.70%	Nickel USD/T	15826	-2.65%	-7.47%	-26.25%
Silver USD/t.oz	27.928	-4.42%	-3.72%	15.71%	Rubber USD Cents / Kg	160.50	-1.59%	-5.25%	23.37%
Lithium CNY/T	85500	0.00%	-6.56%	-69.73%	Coffee USD/Lbs	230.39	-3.27%	1.60%	42.70%
Platinum SD/t.oz	935.90	-2.91%	-5.81%	-0.01%	Rice USD/cwt	15.1624	6.35%	-9.55%	-3.97%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 26/7/2024

## A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

### I. Kinh tế toàn cầu

**Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh toàn cầu tháng 7/2024**

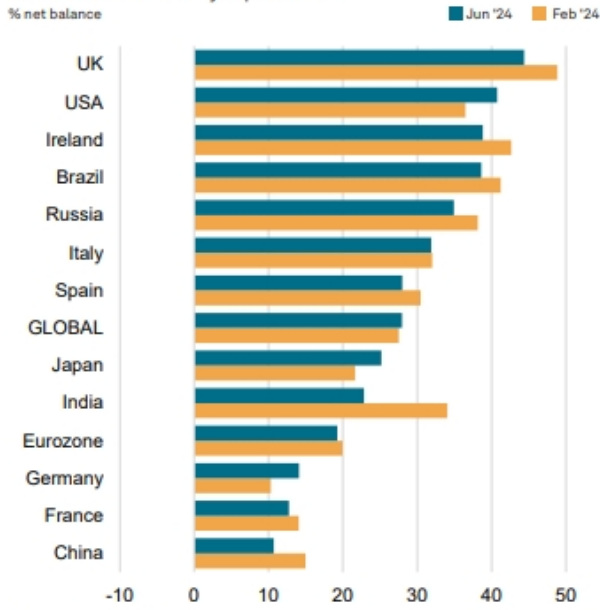
#### PMI các nền kinh tế lớn

		3.24	4.24	5.24	6.24	7.2024
Mỹ	Tổng hợp	52.1	51.3	54.5	54.8	55
	Sản xuất	51.9	50	51.3	51.6	49.5
	Dịch vụ	51.7	51.3	54.8	55.3	56
Khu vực EURO	Tổng hợp	50.3	51.7	52.2	50.9	50.1
	Sản xuất	46.1	45.7	47.3	45.8	45.6
	Dịch vụ	51.5	53.3	53.2	52.8	51.9
Nhật Bản	Tổng hợp	51.7	52.3	52.2	50.9	52.6
	Sản xuất	48.2	47.8	50.4	50	49.2
	Dịch vụ	54.1	54.3	53.2	52.8	53.9
Trung Quốc	Tổng hợp	52.7	51.7	51	50.5	*
	Sản xuất	50.8	50.4	49.5	49.5	*
	Dịch vụ	53	51.2	51.1	50.5	*

(\*Tổng cục thống kê Trung Quốc chưa công bố)

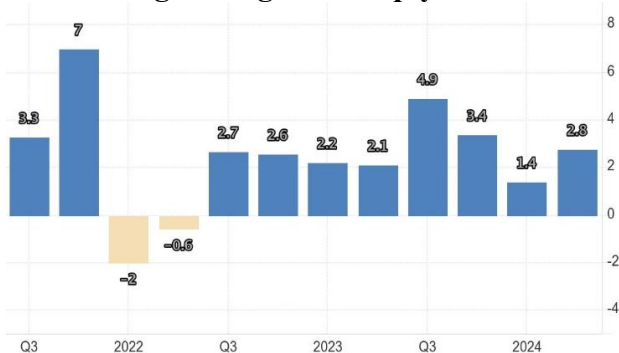
#### Kỳ vọng hoạt động kinh doanh toàn cầu

Global Business Activity expectations  
% net balance



**Kinh tế Mỹ: Tăng trưởng nhanh hơn và lạm phát đang chậm lại**

#### Tăng trưởng kinh tế quý II/2024



Chỉ số PMI (Nhà quản trị mua hàng) sơ bộ tháng 7/2024 do S&P Global công bố cho thấy:

- Tâm lý doanh nghiệp có vẻ ổn định so với đầu năm, với tình hình cải thiện ở Mỹ và Nhật Bản nhưng ngược lại, niềm tin suy giảm ở các thị trường mới nổi và ở châu Âu.  
- Các nhà cung cấp dịch vụ tin tưởng vào triển vọng kinh tế tốt hơn so với các nhà sản xuất.

- Có một số dấu hiệu cho thấy lạm phát toàn cầu đang giảm tốc trong khi chi phí nhân công lao động tăng lên.

Với nền kinh tế Mỹ: Các chỉ số PMI sơ bộ tổng hợp cũng như với riêng khu vực dịch vụ của Mỹ lên mức cao nhất 28 tháng qua, cho thấy sự tăng trưởng liên tục trong vòng 2 năm qua. Tuy nhiên, ở khu vực sản xuất, chỉ số bất ngờ tụt xuống vùng suy giảm, cho thấy sự khó khăn lần đầu tiên kể từ tháng 12/2023.

Với nền kinh tế khu vực EURO: PMI sản xuất xuống mức thấp nhất 7 tháng, PMI khu vực dịch vụ thấp nhất 4 tháng cho thấy tình trạng gần đến tri triệ khi đà hồi phục cứ giảm dần. Đơn hàng mới giảm tháng thứ 2 liên tiếp và niềm tin kinh doanh giảm xuống mức thấp, trong khi chi phí đầu vào vẫn tăng.

Với nền kinh tế Nhật Bản: Chỉ số PMI sản xuất sơ bộ tháng 7/2024 bất ngờ giảm xuống mức 49,2 điểm, không đạt mức dự báo (50,5) – là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 4, đánh dấu lần thứ 5 sụt giảm trong lĩnh vực sản xuất trong năm nay, do sản lượng suy giảm. Đồng thời đơn hàng mới cũng giảm mạnh nhất kể từ tháng 2, kim ngạch xuất khẩu tiếp tục giảm. Niềm tin kinh doanh yếu hơn.

Triển vọng kinh doanh tại các nền kinh tế lớn như Anh, Brazil, Ấn Độ và Trung Quốc trở đang trở nên kém hơn.

Nguồn: S&P Global

#### Tăng trưởng quý II vượt dự báo

Nền kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng nhanh hơn dự báo đạt 2,8% y/y trong quý II/2024, cao hơn so với mức 1,4% trong quý I/2024, vượt dự báo (2%). Các động lực chính thúc đẩy là chi tiêu dùng đều tăng khá (2,3%), đầu tư (5,2%), chi tiêu chính phủ (3,1%)...

#### Lạm phát giảm tốc như dự báo

PCE (chỉ số chi tiêu dùng cá nhân PCE, thước đo lạm phát Fed ưa dùng) đã giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước còn 2,5% y/y, khớp dự báo, tuy nhiên tăng nhẹ so với tháng trước.

	Tháng 6	Tháng 5	Dự báo
<b>PCE toàn phần</b>	+0,1% m/m	0,0%	0,1%
	+2,5%	2,6%	2,5%
<b>PCE lõi</b>	+0,2%	0,1%	0,1%
	+2,6%	2,6%	2,5%

### Thị trường lao động đang hạ nhiệt dần

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của tuần kết thúc ngày 20/7/2024 giảm 10 nghìn đơn còn 235 nghìn so với dự báo 238 nghìn đơn. Tuy nhiên, con số này vẫn cao hơn mức trung bình từ đầu năm đến nay, cho thấy thị trường lao động Mỹ đã hạ nhiệt hơn kể từ thời kỳ căng thẳng nhất sau đại dịch Covid.

### Kinh tế Nhật Bản: Kinh tế chưa hồi phục ổn định, lạm phát tăng

Tăng trưởng kinh tế trong tài khóa hiện tại (theo dự báo của Chính phủ Nhật Bản đến hết tháng 3/2025) có thể chỉ đạt 0,9%, giảm so với ước tính ban đầu (1,3%), do lạm phát ảnh hưởng đến tiêu dùng tư nhân và một số ngành sản xuất, chế tạo đang gặp khó khăn.

Lạm phát lên cao nhất 3 tháng qua (2,8% y/y) khi giá một số mặt hàng chủ chốt vẫn tăng (điện tăng cao 13,4%, giá lương thực 3,6%...). Lạm phát lõi tăng 2 tháng liền, chạm mức cao nhất 3 tháng (2,6%) khiến thị trường kỳ vọng BOJ có thể tăng lãi suất sớm.

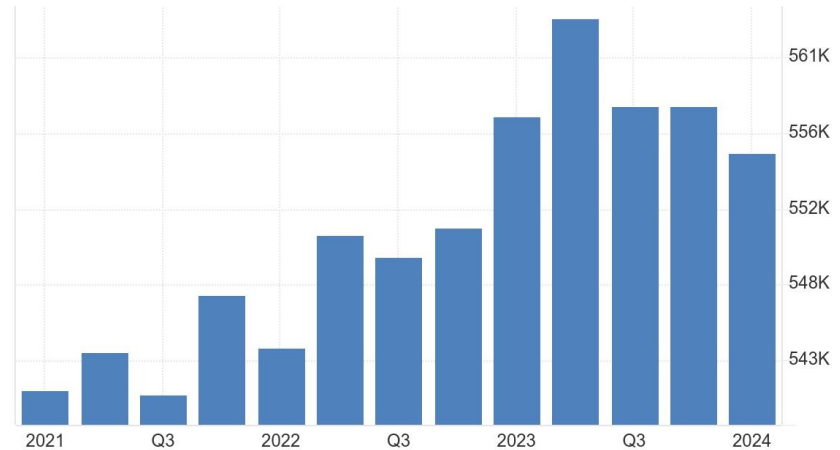
#### Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu

Nhật Bản bất ngờ đạt thặng dư thương mại trên 224 tỷ JPY trong tháng 6/2024, vượt dự báo sẽ thâm hụt do xuất khẩu bất ngờ tăng nhanh hơn nhập khẩu.

Kim ngạch xuất sang các thị trường chủ lực như Mỹ và Trung Quốc tăng khá.

Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm, Nhật Bản vẫn chịu mức thâm hụt thương mại 3,23 nghìn tỷ JPY.

### Tăng trưởng kinh tế chưa hồi phục ổn định



### Lạm phát và ngoại thương tháng 6/2024

	Tháng 6	Tháng 5	Dự báo
<b>CPI toàn phần</b>	2,8% y/y	2,8% y/y	
	0,3% m/m	0,5%	
<b>CPI lõi</b>	2,6% y/y	2,5%	2,7%
<b>Nhập khẩu</b>	3,2% y/y	9,5%	9,3%
<b>Xuất khẩu</b>	5,4% y/y	13,5%	6,4%

Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

## II. Thị trường tài chính Động thái chính sách các NHTW lớn

### Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed):

LÃI SUẤT (ĐIỂM CƠ BẢN)	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 19/07/2024
450-475	0,4%	-
475-500	11,5%	4,1%
500-525	88,2%	94,0%
525-550 (hiện áp dụng)	-	1,9%

Dữ liệu tính đến ngày 26/7/2024

### PBoC: Hạ lãi suất điều hành

Ngày 22/7/2024, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) quyết định hạ lãi suất repo đảo ngược kỳ hạn 7 ngày, cũng như cả lãi suất cho vay 1 năm và 5 năm.

### Fed gần như chắc chắn sẽ hạ lãi suất vào phiên họp tháng 9/2024.

Xác suất điều chỉnh giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9/2024 của Fed đã lên tới gần 100%, với mức hạ ngay 0,25% có xác suất 88,2%.

### Trong tuần, PBOC cũng hạ lãi suất cho vay cơ bản:

- Với những khoản cho vay chính sách trung hạn 1 năm (MLF) giảm 20 điểm cơ bản từ 2,5% xuống còn 2,3%.
- Với các khoản vay theo lãi suất chuẩn kỳ hạn 1 năm (LPR) xuống 3,35%, từ mức 3,45% trước đó.

Theo đó, PBOC hạ lãi suất repo đảo ngược kỳ hạn 7 ngày 10 điểm cơ bản xuống còn 1,7% nhằm đẩy mạnh vốn ra nền kinh tế hơn nữa.

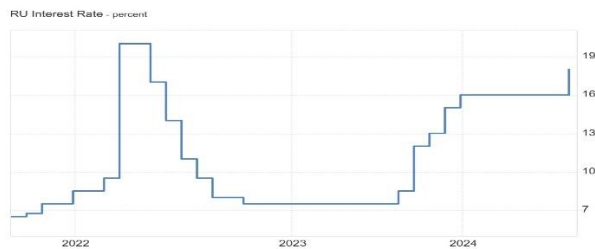
### **CBR (NHTW Nga): tăng lãi suất lên 18%**

Trong cuộc họp chính sách tháng 7 (26/7/2027), NHTW Nga đã quyết định tăng lãi suất chuẩn thêm 200 điểm cơ bản lên 18% và tuyên bố cân nhắc tiếp tục tăng lãi suất nếu cần thiết để kiểm soát lạm phát.

CBR kỳ vọng lạm phát đến cuối 2024 trong khoảng 6,5%-7%, sau đó giảm xuống 4% đến cuối 2025.

- Với kỳ hạn 5 năm (loại lãi suất mà các ngân hàng thương mại sử dụng như mức chuẩn để điều chỉnh lãi suất vay thế chấp) giảm 10 điểm cơ bản, xuống còn 3,85%.

### **NHTW Nga có thể còn tiếp tục tăng lãi suất**



Source: tradingeconomics.com | Central Bank of Russia

*Nguồn: Fed/PBoC/CBR/ Investing*

## **III. Thị trường hàng hóa quốc tế**

### **Giá dầu thế giới giảm 3 tuần liên tiếp**

Kết thúc giao dịch ngày cuối tuần (26/07/2024), hợp đồng dầu WTI giảm 1,12 USD (tương đương 1,43%) xuống 77,16 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giảm 1,24 USD (tương đương 1,51%) còn trên 81 USD/thùng.

Cả tuần, hợp đồng dầu WTI giảm 3,7%, còn dầu Brent giảm 1,8%.

Giá dầu giảm tuần thứ 3 liên tiếp, do mối lo ngại về nhu cầu yếu ở Trung Quốc đã trội hơn so với thông tin về tình hình tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Mỹ.

### **Giá vàng thế giới tuần qua tăng 1%**

Kết thúc giao dịch ngày cuối tuần (26/07/2024), hợp đồng vàng giao ngay tăng 1% lên 2.388.05 USD/oz, còn hợp đồng vàng tương lai tăng 1,2% lên 2.381 USD/oz.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ đang giảm do tâm lý lạc quan trước khả năng Fed sẽ hạ lãi suất vào tháng 9 tới, sau khi dữ liệu mới nhất cho thấy lạm phát tại Mỹ tăng nhẹ trong tháng 6/2024; đồng thời thị trường tiêu thụ vàng lớn thứ 2 thế giới là Ấn Độ giảm thuế nhập khẩu đối với kim loại quý, giá vàng ở Ấn Độ đã tăng lên mức cao nhất trong 1 thập kỷ... là những thông tin thúc đẩy giá vàng tăng.

Triển vọng giá vàng tuần tới theo khảo sát của Kitco, 44% dự đoán giá vàng sẽ tăng, 25% dự đoán giá sẽ giảm và 31% dự đoán giá vàng sẽ đi ngang.

*Nguồn: KITCO/OPEC*

## B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

### I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

#### Triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng 6 tháng cuối năm 2024

Ngày 24/7/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.

#### Một số kết quả đạt được:

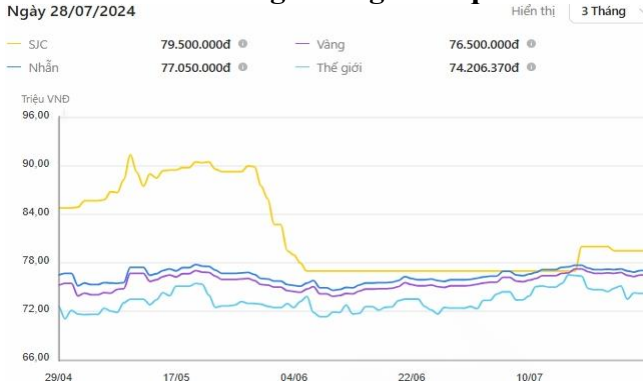
Về điều hành CSTT, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế; đồng thời, NHNN chỉ đạo TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay; yêu cầu các TCTD công khai lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân cũng như thông tin về lãi suất cho vay các gói, chương trình tín dụng, sản phẩm...

Tỷ giá được điều hành linh hoạt, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài, góp phần bình ổn tâm lý thị trường, thanh khoản ngoại tệ ổn định, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, tỷ giá giao dịch trên thị trường về cơ bản ổn định và có xu hướng giảm trong một số giai đoạn.

Tăng trưởng tín dụng đã có xu hướng phục hồi và cải thiện. Kết thúc Quý II/2024, tín dụng nền kinh tế tăng 6% so với cuối năm 2023, hoàn thành mục tiêu “phấn đấu đến hết quý II/2024 đạt 5-6%” theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ...

#### Quản lý thị trường vàng

##### Diễn biến giá vàng tuần qua



#### Một số nhiệm vụ ngân hàng 6 tháng cuối năm:

Thông đốc yêu cầu các đơn vị trong toàn Ngành tiếp tục bám sát Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024, Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 15/01/2024 và Chương trình hành động của NHNN thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động ngân hàng năm 2024.

- Điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu CSTT; tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Điều hành tỷ giá linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

- Điều hành tăng trưởng khối lượng và cơ cấu tín dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong cung ứng và tiếp cận tín dụng ngân hàng. Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân; đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro...

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” góp phần phát triển hệ thống các TCTD hoạt động lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tiệm cận, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

Nguồn: sbv.gov.vn

Trong nước, giá vàng miếng SJC và vàng nhẫn đều được điều chỉnh giảm, tuy nhiên mức giảm giá của vàng nhẫn không đáng kể.

Vàng miếng SJC đang được bán ra ở mức 79,5 triệu đồng/lượng. Giá vàng nhẫn ghi nhận tuần giảm nhẹ đầu tiên sau nhiều tuần tăng giá trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước kết hợp với cơ quan công an tích cực thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh vàng và thu giữ nhiều vàng nhẫn, vàng trang sức.

Quan điểm Ngân hàng Nhà nước với việc bán vàng cho người dân qua 4 ngân hàng thương mại và 1 doanh nghiệp kinh doanh vàng chỉ là giải pháp tạm thời. Về lâu dài, Ngân hàng Nhà nước vẫn tiếp tục có nghiên cứu để đưa ra chính

Trong tuần qua, giá vàng trong nước và thế giới đều đồng loạt giảm.

sách phù hợp. Nghị định số 24/2012 sẽ được sửa đổi nhằm đảm bảo quản lý hiệu quả, ngăn chặn tiêu cực trên thị trường vàng, bình ổn thị trường vàng.

Nguồn: NHNN/SJC

## Mặt bằng lãi suất huy động biến động tăng

Kể từ đầu tháng 7/2024, đã có khoảng 17 ngân hàng điều chỉnh lãi suất tiết kiệm. Nhìn chung, lãi suất huy động tiếp tục được các ngân hàng điều chỉnh tăng nhưng đà tăng đã chậm lại.

## Mức lãi suất huy động cao nhất một số kỳ hạn

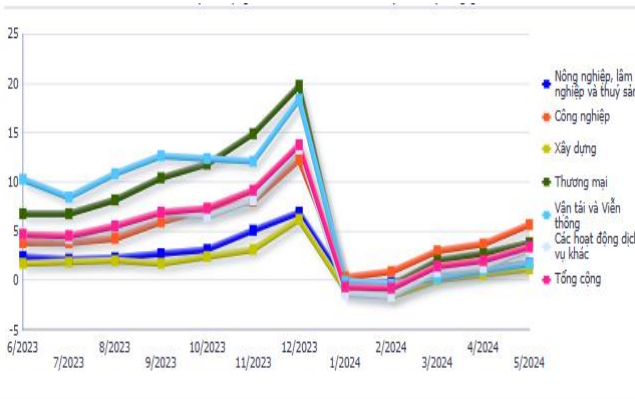
Kỳ hạn	Không Kỳ Hạn	01 tháng	03 tháng	06 tháng	09 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng
Mức lãi suất cao nhất	0,5%	3,7%	4,3%	5,35%	5,7%	6,2%	6,1%	6%
Ngân hàng	Bắc Á	NCB	EXIM Bank	NCB	AB Bank	AB Bank	NCB	SeA Bank

\*Cập nhật đến 26/7/2024

Nguồn: Tổng hợp thông tin các ngân hàng thương mại

## Tăng trưởng tín dụng toàn ngành: Đã đạt trên 14 triệu tỷ VND

Tính đến cuối tháng 5/2024, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt hơn 14,034 triệu tỷ, trong đó vào các nhóm ngành:



- Công nghiệp và xây dựng chiếm hơn 3,6 triệu tỷ VND, tăng 4,2% so với cuối năm 2023.
- Hoạt động thương mại, vận tải và viễn thông trên 3,9 triệu tỷ, tăng 3,65% so với cuối năm ngoái.

Dư nợ vào ngành công nghiệp có mức tăng mạnh nhất 5,6%, tiếp đến là thương mại 3,82%...

Dư nợ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản là khoảng 3,019 triệu tỷ đồng, tăng hơn 133.000 tỷ so với hồi đầu năm. Đây là lần đầu tiên dư nợ lĩnh vực bất động sản vượt mốc 3 triệu tỷ đồng (khoảng trên 21,5% tổng dư nợ), cao kỷ lục.

Nguồn: NHNN

## Rủi ro hình thành nợ xấu ngân hàng vẫn còn lớn

Một số yếu tố khác tác động đến tình hình nợ xấu và chất lượng tài sản các ngân hàng trong thời gian tới là:

Nền kinh tế đang tiếp tục phục hồi, tỷ lệ hấp thụ vốn vẫn còn thấp, và sự phục hồi là không đều giữa các ngành. Tỷ lệ hình thành nợ xấu còn khá cao, thể hiện phần nào qua tỷ trọng nợ cần theo dõi trên dư nợ đạt 2,1%, giảm so với mức đỉnh vào quý 2/2023, nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 3 năm là 1,74%, cho thấy rủi ro hình thành nợ xấu vẫn còn lớn.

-Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) đã luật hóa một số quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu. Dù quy định về quyền thu giữ tài sản đảm bảo không được luật hóa, sẽ gây ra một số khó khăn nhất định trong việc xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng nhưng mặt khác, vấn đề xử lý nợ xấu sẽ được tăng cường hơn nữa trong các quý tới.

Nhưng dự báo tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ chậm lại nhờ môi trường lãi suất thấp và điều kiện kinh doanh dần khả quan sẽ hỗ trợ khả năng trả nợ của khách hàng.

-Các Luật Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản sẽ có hiệu lực từ ngày 1/8/2024, trong khi tổng trị giá bất động sản thế chấp chiếm khoảng 70% tổng tài sản đảm bảo cho các khoản vay, nên việc này có ý nghĩa lớn khi đẩy nhanh công tác xử lý tài sản đảm bảo, giúp cho việc xử lý hiệu quả dễ dàng và nhanh chóng hơn trong năm 2024.

Ước tính tỷ lệ nợ xấu của ngành Ngân hàng sẽ nhích nhẹ, vượt 2% vào năm 2024 trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu dự kiến sẽ đạt 103%, giảm

-Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Thông tư số 03/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC. Theo đó, VAMC có thể mua lại khoản nợ

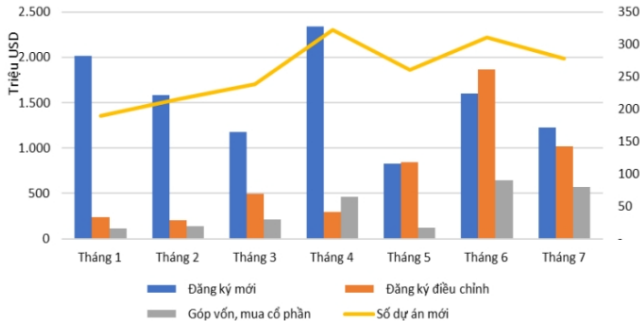
nhẹ so với năm 2023, do rủi ro nợ xấu còn gia tăng trong năm 2024 và việc xử lý nợ xấu được đẩy mạnh.

xấu đã xử lý nhưng chưa thu hồi được và theo dõi ngoại bảng theo giá thị trường. Điều này sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu và tạo nguồn thu khác cho ngân hàng.

Nguồn: PHS

## FDI 7 tháng đầu năm: đạt 18 tỷ, tăng 11%

FDI tăng so với cùng kỳ nhưng thấp hơn tháng trước



Trong 7 tháng đầu năm 2024, so với cùng kỳ năm 2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18 tỷ USD, tăng gần 11%. Vốn đầu tư mới và điều chỉnh vốn tăng so với cùng kỳ (y/y).

- Có 18/21 ngành kinh tế nhận được đầu tư. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về (i) thu hút đầu tư được trên 12,65 tỷ USD, chiếm 70,3% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 15,7% y/y; dẫn đầu về số dự án mới (35,1%) và điều chỉnh vốn (gần 66%). Đáng chú ý, ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 2,87 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 78% so với cùng kỳ.

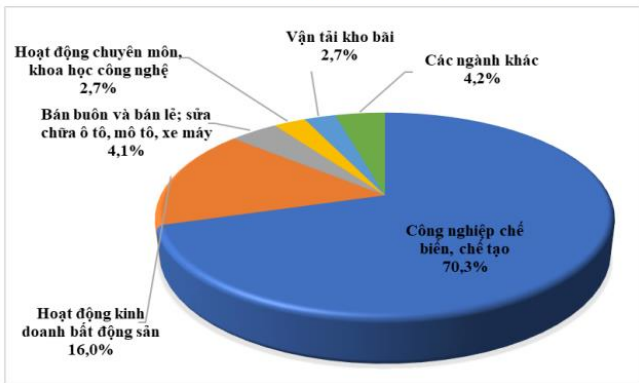
- Có 91 quốc gia, vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam. Trong đó, dẫn đầu là Singapo (tổng đầu tư là 6,52 tỷ USD, chiếm trên 36%, tăng 79% y/y), sau là Hongkong (Trung Quốc), Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc...

- Có 48/63 tỉnh, thành phố nhận được FDI trong 7 tháng đầu năm. Trong đó, Bắc Ninh dẫn đầu (vốn đăng ký 3,2 tỷ USD, chiếm gần 18% cả nước, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước), tiếp sau là Quảng Ninh (1,56 tỷ USD), thành phố Hồ Chí Minh (1,55 tỷ USD), Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nội...

- Vốn FDI thực hiện/giải ngân 7 tháng đầu năm ước đạt 12,55 tỷ USD, tăng 8,5% y/y.

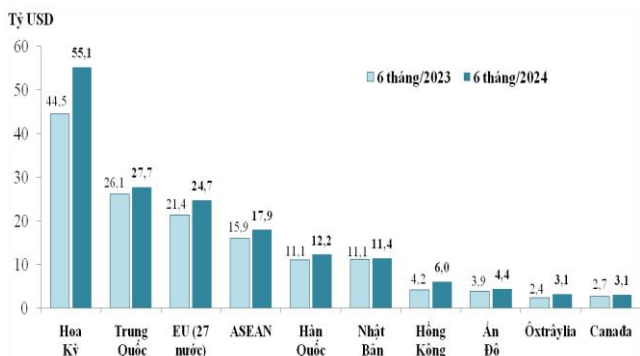
Nguồn: Bộ KHĐT

Cơ cấu ĐTNN 7 tháng năm 2024 theo ngành



## Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam nửa đầu năm 2024

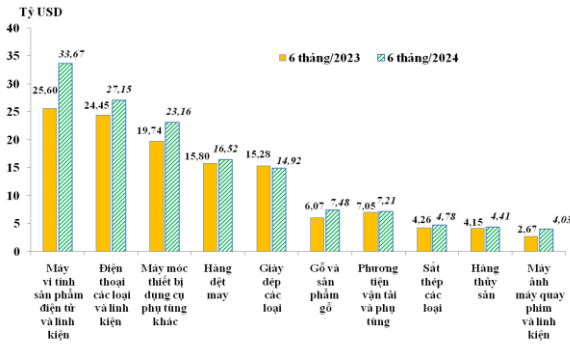
### 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất



### Xuất nhập khẩu nửa đầu năm 2024

<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
Trị giá xuất khẩu 6 tháng/2024 (Triệu USD)	190.735
Tốc độ tăng/giảm trị giá xuất khẩu 6 tháng/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	14,9%
<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
Trị giá nhập khẩu 6 tháng/2024 (Triệu USD)	178.888
Tốc độ tăng/giảm trị giá nhập khẩu 6 tháng/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	17,3%
<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
Trị giá xuất nhập khẩu 6 tháng/2024 (Triệu USD)	369.623
Tốc độ tăng/giảm trị giá xuất nhập khẩu 6 tháng/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	16,0%
<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
Cán cân thương mại tháng 6/2024 (Triệu USD)	3.201
Cán cân thương mại 6 tháng/2024 (Triệu USD)	11.847

## 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất



Lũy kế trong 6 tháng/2024, tổng trị giá xuất nhập khẩu cả nước tăng 16%, tương ứng tăng 51,08 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

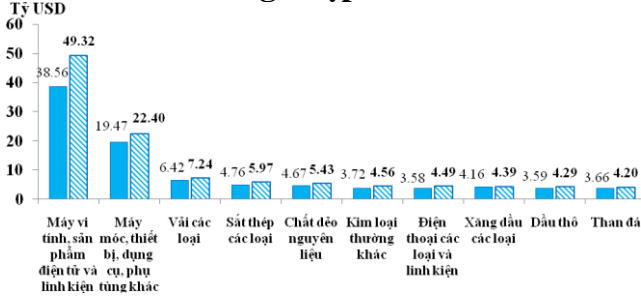
Trong đó:

- Trị giá xuất khẩu 6 tháng/2024 đạt 190,73 tỷ USD, tăng 14,9%, tương ứng tăng 24,74 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

- Nhập khẩu 6 tháng/2024 là 178,89 tỷ USD, tăng 17,3%, tương ứng tăng 26,34 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng/2024 mức thặng dư thương mại hàng hóa là 11,85 tỷ USD, giảm 1,59 tỷ USD so với mức thặng dư 13,44 tỷ USD của cùng kỳ năm trước.

## 10 nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất



Nguồn: TCHQ

## II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

### 2.1. Thị trường tiền tệ

#### Thị trường liên ngân hàng

##### Lãi suất VND LNH (6/2023-7/2024)

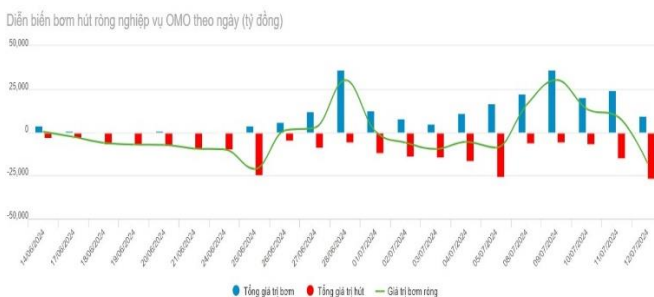


Trên thị trường liên ngân hàng trong tuần qua (22 - 26/07/2024), lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng tăng với tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống. Chốt ngày 26/07/2024, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: Qua đêm 4,93% (+0,39 điểm%); 1 tuần 5,0% (+0,36 điểm%); 2 tuần 5,0% (+0,22 điểm%); 1 tháng 5,02% (+0,06 điểm%).

Lãi suất USD LNH vẫn ít biến động. Chốt ngày 26/07/2024, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: Qua đêm 5,30% (không thay đổi); 1 tuần 5,34% (-0,01 đpt); 2 tuần 5,39% (-0,01 đpt) và 1 tháng 5,43% (không thay đổi).

#### Thị trường mở (OMO)

##### Nghiệp vụ OMO (6/2024-7/2024)



Trên thị trường OMO tuần qua, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 61.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Có 59.044,97 tỷ đồng trúng thầu, có 34.304,39 tỷ đồng đáo hạn tuần qua.

NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 16.200 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất trúng thầu giữ ở mức 4,50%; có 33.650 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

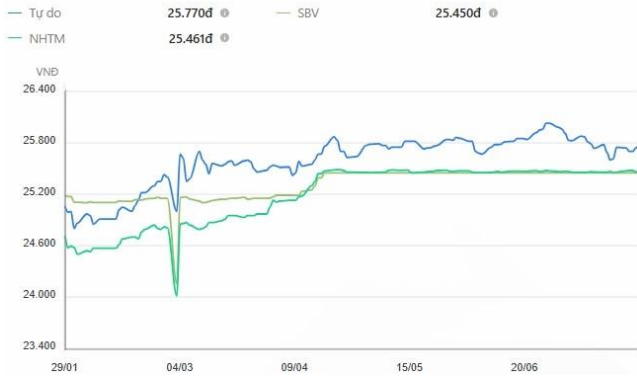
Như vậy, NHNN bơm ròng 42.190,58 tỷ đồng ra thị trường trong tuần qua kênh OMO. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 59.044,97 tỷ, khối lượng tín phiếu lưu hành còn 64.300 tỷ đồng.

## Thị trường ngoại hối

### Tỷ giá theo xu thế giảm

Ngày 26/07/2024

Hiện thị 6 Tháng



Trên thị trường thế giới, đồng USD cuối tuần giảm xuống mức 104,33 điểm do chịu áp lực từ việc lợi suất trái phiếu kho bạc giảm sau thông tin về báo cáo lạm phát và dữ liệu tăng trưởng kinh tế quý II/2024 của Mỹ được công bố.

Trên thị trường ngoại hối trong nước, tuần qua, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh đầu tuần rồi giảm mạnh cuối tuần. Chốt phiên cuối tuần ngày 26/07/2024, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.249 VND/USD, chỉ tăng 03 VND so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá tỷ giá mua và bán giao ngay tiếp tục được NHNN niêm yết ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD ở tất cả các phiên.

Trên thị trường tự do trong nước, tỷ giá biến động tăng – giảm nhẹ qua các phiên trong tuần qua. Chốt phiên ngày cuối tuần, tỷ giá tự do giao dịch tại 25.690 VND/USD và 25.770 VND/USD, tăng 20 VND ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó.

*Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp*

## C. THÔNG TIN HỘI VIÊN

### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

#### **Agribank thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng**

Sau 11 tháng triển khai chương trình tín dụng ưu đãi đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đã thực hiện cấp tín dụng 7.183 tỷ đồng với khoảng 5.000 lượt giải ngân tới các khách hàng; Triển khai cấp tín dụng ưu đãi cho chủ đầu tư dự án và người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ, đến hết quý II/2024, Agribank đã phê duyệt 11 dự án nhà ở xã hội với tổng số tiền phê duyệt là 3.023 tỷ đồng, dư nợ tại thời điểm 30/6/2024 là 657 tỷ đồng, là ngân hàng dẫn đầu về doanh số giải ngân của chương trình. Ngoài ra, Agribank đang tiếp cận 13 dự án nhà ở xã hội với tổng mức đầu tư 5.000 tỷ đồng.

Đến ngày 30/6/2024, so với 31/12/2023, dư nợ toàn hệ thống Agribank tăng 2,6%; tỷ lệ nợ xấu giảm 0,02%...

#### **SeABank thành công hơn nhờ chuyển hướng kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ**

Linh hoạt chuyển hướng kinh doanh, tập trung vào công nghệ số và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, do đó trong 6 tháng đầu năm 2024, SeABank tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định so với cùng kỳ năm 2023.

Tính đến hết 30/06/2024, tổng tài sản của SeABank là 280.658 tỷ đồng và vốn điều lệ Ngân hàng ở mức 24.957 tỷ đồng. Hiện tại Ngân hàng cũng đang triển khai phương án phát hành 329 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023, phát hành 10,3 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương tổng tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông gần 14%, qua đó tăng vốn điều lệ Ngân hàng lên 28.350 tỷ đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, ngân hàng đã chỉ đạo các đơn vị trong toàn hệ thống triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 17/01/2024 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả.

*\*Về thực hiện các chính sách tín dụng:*

Agribank tiếp tục có các chính sách hỗ trợ phù hợp về lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng vay gặp khó khăn kéo dài do nguyên nhân khách quan; Kiểm soát chặt tăng trưởng tín dụng đối với các chi nhánh, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, có giải pháp quản lý hiệu quả đối với cho vay nhóm khách hàng liên quan, cho vay liên chi nhánh...; Chủ động giảm lãi suất cho vay ngắn hạn từ 0,5% - 2%/năm, đặc biệt đối với các khoản giải ngân mới; lãi suất cho vay trung, dài hạn giảm 1-2,5%/năm...

*\*Về áp dụng công nghệ và quan hệ khách hàng:*

Agribank cải tiến quy trình, thủ tục cho vay, đẩy mạnh áp dụng công nghệ trong hoạt động cho vay nhằm đẩy nhanh tốc độ, thời gian xử lý hồ sơ, tiết giảm tối đa thời gian thẩm định, phê duyệt tín dụng...; Thay đổi tư duy trong việc tiếp cận, tìm kiếm và hợp tác với khách hàng, đặc biệt trong công tác tín dụng, chủ động tìm kiếm và có chính sách thu hút đối với các khách hàng có phương án/dự án kinh doanh khả thi, có hiệu quả.

Hiện Agribank đang chủ động dành khoảng 250.000 tỷ đồng để triển khai các chương trình tín dụng, ưu đãi lãi suất tới nhiều đối tượng khách hàng.

*Kết thúc 6 tháng đầu năm:*

- Tổng huy động tiền gửi và GTCG của SeABank đạt 160.926 tỷ đồng, tăng ròng thêm 16.139 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng mạnh lên 20.038 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 13,4% tổng huy động.

- Tổng dư nợ cho vay khách hàng của SeABank đạt 185.959 tỷ đồng, trong đó tín dụng xanh, dư nợ các khoản vay tín dụng xanh tăng 40% so với cùng kỳ năm trước.

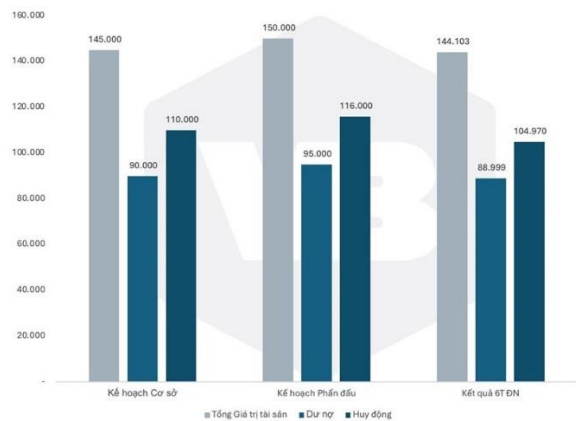
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 3.238 tỷ đồng, tăng gần 61% cùng kỳ;

- Tổng thu thuần (TOI) đạt 6.011 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ. Thu thuần ngoài lãi (NOII) của SeABank cũng ghi nhận con số tăng trưởng ấn tượng 39% so với cùng kỳ, đạt 1.268 tỷ đồng, tương đương 21,1% trong tổng thu thuần.

- ROE ở mức 16,38% và ROA đạt 1,88% so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,91% nhờ chủ động trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm kiểm soát và thu hồi nợ quá hạn.

**Vietbank ghi nhận 3/5 mục tiêu tài chính hoàn thành vượt thời hạn trong 6 tháng đầu năm.**



*Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất của Vietbank ghi nhận 3 mục tiêu tăng trưởng huy động, dư nợ, tổng giá trị tài sản hoàn thành trên 90% kế hoạch phân bổ chỉ sau nửa năm tài chính.*

**Tổ chức tín dụng đầu tiên hoàn thành các thủ tục phê duyệt phương án cơ cấu lại xây dựng theo “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”**

*Tháng 6/2024, Ngân hàng Nhà nước đã xem xét cho ý kiến và cấp có thẩm quyền cũng đã phê duyệt phương án cơ cấu lại của Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB) tầm nhìn tới 2030, đánh dấu giai đoạn bước ngoặt của ngân hàng này.*

*Phương án cơ cấu lại của NCB trình bày đầy đủ, toàn diện thực trạng hoạt động của ngân hàng trên mọi khía cạnh, trên cơ sở đó xác định mục tiêu, giải pháp tổng thể, toàn diện khắc phục căn bản các vấn đề tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng, đảm bảo NCB phát triển lành mạnh, an toàn và bền vững.*

Trong đó, tăng trưởng dự nợ đạt 10% cao hơn mức bình quân toàn ngành 6% (tính đến 28/06/2024).

Mục tiêu kiểm soát nợ xấu (NPL) theo Thông tư 11/NHNN hoàn thành ở mức 2,4% (mục tiêu < 2,5%). Bên cạnh đó, tỉ lệ NPL trên tổng dư nợ cũng được kiểm soát ổn định so với kết quả ghi nhận đầu năm.

Sử dụng hiệu quả các biện pháp kiểm soát nợ và chất lượng tín dụng giúp tỉ lệ nợ xấu của Vietbank đạt mức kỳ vọng, đồng thời Ngân hàng cũng nhận thêm 139.819 triệu đồng từ việc được hoàn trích lập dự phòng. Tỉ lệ an toàn hoạt động (CAR) hơn 11% - cao hơn quy định của NHNN và vượt trung bình toàn ngành.

Những điều chỉnh chính sách kịp thời cùng điều tiết lãi suất theo nhịp độ thị trường và quy định đưa lợi nhuận trước thuế của Vietbank lên mức 410.541 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng trong 6 tháng vừa qua đạt 11,3%, trong đó quý II góp phần lớn vào hiệu quả bán niên với mức tăng trưởng so với cùng kì đạt 96,5%.

Theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, NCB sẽ tăng vốn thêm 23.500 tỷ đồng trong vòng 5 năm, dự kiến quy mô vốn điều lệ của NCB sẽ đạt hơn 29.000 tỷ đồng đến năm 2028. Đồng thời, ngân hàng cũng sẽ hoàn thành việc xử lý các tài sản tồn đọng và hoàn thành phương án cơ cấu lại vào năm 2029.

*Kết quả kinh doanh hợp nhất quý II và 6 tháng đầu năm 2024 vừa được NCB công bố, theo đó:*

- Tổng thu nhập hoạt động của NCB đạt hơn 720 tỷ đồng - tăng 18,1% so với 6 tháng đầu năm 2023.
- Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ đạt hơn 49,6 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng hơn 303% so với cùng kỳ năm 2023.
- Tổng tiền gửi tính đến 30/6/2024 tăng 11,1% so với cuối năm 2023, tương ứng mức tăng gần 8.563 tỷ. Số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của khách hàng cũng tăng hơn 483 tỷ đồng so với cuối năm 2023;
- Cho vay khách hàng tính đến 30/6 đạt 64.198 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với 31/12/2023.
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt 13,84%, đảm bảo giới hạn theo quy định của NHNN.
- Tổng lợi nhuận trước thuế của NCB ghi nhận mức lãi 7,2 tỷ đồng.
- Tổng tài sản của NCB đạt 103.312 tỷ đồng, tăng 7,3% so với thời điểm cuối 2023. (Tại đại hội cổ đông thường niên, ngân hàng này đặt mục tiêu đạt 105.892 tỷ đồng tổng tài sản trong năm 2024).

## II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ TIỆN ÍCH MỚI

### MB chính thức nâng hạn mức rút tiền qua APP MBBank



Kể từ 19/7/2024, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) chính thức nâng hạn mức rút tiền qua APP MBBank (tính năng Rút tiền ATM) và thẻ MB tại các ATM/CRM của MB.

*Cụ thể:*

Hạn mức rút tiền qua APP MBBank (tính năng Rút tiền ATM): Tăng từ tối đa 10 triệu đồng/ giao dịch lên 20 triệu đồng/giao dịch.

Hạn mức rút tiền qua thẻ MB tại ATM/CRM của MB: Tăng từ tối đa 10 triệu đồng/ giao dịch lên 20 triệu đồng/giao dịch.

Quý khách hàng vui lòng cập nhật phiên bản mới nhất của APP MBBank để trải nghiệm các tính năng tiện ích và nâng hạn mức mới.

### Vietcombank triển khai các mẫu khai báo thông tin người có liên quan mới theo những nội dung thay đổi của Luật các Tổ chức tín dụng 2024

Nhằm tuân thủ quy định của pháp luật, từ ngày 01/07/2024, Vietcombank đã triển khai các mẫu khai báo thông tin người có liên quan mới theo những nội dung thay đổi của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (sau đây gọi là Luật các Tổ chức tín dụng 2024) để các khách hàng thực hiện cung cấp khi có đề nghị cấp tín dụng tại Vietcombank.

Luật các Tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, trong đó có những thay đổi quan trọng liên quan đến quy định về đối tượng và phạm vi người có liên quan mà khách hàng cần khai báo khi có đề nghị cấp tín dụng tại các Tổ chức tín dụng, cụ thể: bổ sung một số đối tượng người có liên quan cần khai báo so với Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 trước đó như:

- (i) Công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại;
- (ii) Các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau;
- (iii) Các mối quan hệ gia đình bao gồm ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột...

Đồng thời, phạm vi người có liên quan cần khai báo bao gồm cả người có liên quan có và không có quan hệ tín dụng tại tổ chức tín dụng.

*Nguồn: HHNH tổng hợp thông tin từ các ngân hàng*

## D. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

### \* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Nguồn
CP	Nghị định số 97/2024/NĐ-CP v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước	25/07/2024	Chinhphu.vn
	Nghị định số 98/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	25/07/2024	Chinhphu.vn
VPCP	Chỉ thị số 22/CT-TTg về việc kiểm kê đất đai năm 2024 Văn bản chỉ đạo số 71/CD-TTg v/v Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô tháng 7 và Quý III năm 2024	23/07/2024 21/07/2024	Chinhphu.vn

### \* VĂN BẢN DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-NHNN.	(23/07/2024)	
	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2021/TT-NHNN.	(23/07/2024)	Sbv.gov.vn
	Dự thảo Thông tư quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành Ngân hàng.	(23/07/2024)	
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước.	(23/07/2024)	Chinhphu.vn
	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.	(23/07/2024)	
	Dự thảo Thông tư quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở ngành Ngân hàng.	(23/07/2024)	

### Thông tin liên hệ:

#### BAN BIÊN TẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VNBA

Địa chỉ: 193 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 821 8733 | Email: [info@vnba.org.vn](mailto:info@vnba.org.vn)

Website: [www.vnba.org.vn](http://www.vnba.org.vn) | Facebook: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam

Youtube: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam | TikTok: Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam